

Số: 11/2022/NQ-HĐND

Đắk Nông, ngày 14 tháng 12 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định một số chính sách thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững  
giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG  
KHÓA IV KỲ HỌP THỨ 5**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6  
năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy  
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc  
hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo  
bền vững giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của  
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của  
Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị định số 116/2016/NĐ-CP, ngày 18 tháng 07 năm 2016 của  
Chính phủ quy định đối với chính sách hỗ trợ học sinh và trường phổ thông ở  
xã, thôn đặc biệt khó khăn;*

*Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của  
Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc  
hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí  
học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;*

*Xét Tờ trình số 6890/TTr-UBND ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban  
nhân dân tỉnh về việc đề nghị thông qua Nghị quyết quy định một số chính sách  
thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2023 - 2025 trên địa bàn tỉnh  
Đắk Nông; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội, Hội đồng nhân dân tỉnh  
và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

## QUYẾT NGHỊ:

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc hỗ trợ**

#### 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách thực hiện mục tiêu giảm nghèo giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, gồm: chính sách hỗ trợ về giáo dục và chính sách hỗ trợ về nhà ở.

#### 2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em học mẫu giáo và học sinh phổ thông, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông là người dân tộc thiểu số thuộc hộ cận nghèo.

b) Trẻ em học mẫu giáo và học sinh, sinh viên là thành viên thuộc hộ thoát nghèo vượt qua chuẩn cận nghèo và có đơn tự nguyện đăng ký cam kết thoát nghèo bền vững.

c) Hộ nghèo, hộ cận nghèo khó khăn về nhà ở đang cư trú trên địa bàn không thuộc huyện nghèo và là hộ độc lập có thời gian tách hộ tối thiểu 36 tháng.

#### 3. Nguyên tắc hỗ trợ

Trường hợp đối tượng thuộc diện được hưởng các mức hỗ trợ trong cùng chính sách thì chỉ được hưởng một lần với mức hỗ trợ cao nhất.

### **Điều 2. Các chính sách hỗ trợ cụ thể**

#### 1. Chính sách hỗ trợ về giáo dục

a) Hỗ trợ chi phí học tập trực tiếp cho các đối tượng tại điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này với mức 150.000 đồng/người/tháng (cấp 9 tháng/năm học) để mua sách, vở và các đồ dùng học tập khác.

Thời gian hỗ trợ: Từ học kỳ II năm học 2022-2023 đến hết năm học 2025-2026.

b) Hỗ trợ chi phí học tập trực tiếp cho các đối tượng tại điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này để mua sách, vở và các đồ dùng học tập khác, cụ thể:

- Hỗ trợ mức 100.000 đồng/người/tháng (cấp 9 tháng/năm học) khi học ở các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông.

- Hỗ trợ mức 150.000 đồng/người/tháng (cấp 10 tháng/năm học) khi học trung học chuyên nghiệp, trung cấp nghề hệ chính quy và đại học, cao đẳng hệ chính quy tập trung.

- Thời điểm hỗ trợ: Từ học kỳ II năm học 2022-2023.

- Thời gian hỗ trợ: Trong 03 năm liên tục sau khi hộ gia đình có đơn tự nguyện đăng ký cam kết thoát nghèo bền vững và được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận hộ thoát nghèo theo quy định của pháp luật hiện hành.

d) Kinh phí thực hiện: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%.

e) Điều kiện thực hiện:

- Không áp dụng hỗ trợ đối với học sinh, sinh viên học văn bằng thứ hai (hoặc nghề thứ hai). Không áp dụng chế độ hỗ trợ chi phí học tập trong thời gian học bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, học bổ sung. Trường hợp người học phải dừng học; học lại, lưu ban (không quá một lần) do ốm đau, tai nạn hoặc dừng học vì lý do bất khả kháng thì thủ trưởng cơ quan cơ sở giáo dục xem xét cho tiếp tục học tập theo quy định và tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này.

- Không áp dụng đối với các đối tượng được quy định tại Điều 18, Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

2. Chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo không thuộc địa bàn các huyện nghèo:

a) Hỗ trợ làm nhà ở cho các đối tượng tại điểm c khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này với mức 20 triệu đồng/hộ cho các hộ gia đình chưa được thực hiện hỗ trợ xây dựng nhà ở từ các năm trước và có nhu cầu vay vốn làm nhà ở giai đoạn 2023-2025.

b) Ngoài ra, hỗ trợ thêm 10 triệu đồng/hộ cho các đối tượng thuộc một trong các diện ưu tiên sau:

- Hộ gia đình đang cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế – xã hội đặc biệt khó khăn.

- Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (chủ hộ là người già không có sức lao động, neo đơn, tàn tật...).

- Hộ gia đình là người đồng bào dân tộc thiểu số.

c) Thời gian hỗ trợ: Từ năm 2023 đến hết năm 2025.

d) Kinh phí thực hiện: Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%.

e) Điều kiện thực hiện:

- Ngoài nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ, các địa phương huy động, lồng ghép từ nhiều nguồn vốn để thực hiện, kết hợp giữa Nhà nước và Nhân dân cùng làm theo nguyên tắc: Nhà nước hỗ trợ, cộng đồng giúp đỡ, hộ gia đình tự tổ chức xây dựng nhà ở.

- Hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa được hỗ trợ nhà ở từ các chương trình, chính sách khác, đảm bảo các điều kiện về đất xây dựng, sửa chữa nhà ở (Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận đủ điều kiện xây dựng, sửa chữa nhà ở hợp pháp); tiêu chí xác định đối tượng được hỗ trợ, yêu cầu chất lượng về nhà ở sau khi

được hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2022/TT-BXD ngày 30/6/2022 của Bộ Xây dựng.

### **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết, tổ chức thực hiện và định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh về kết quả thực hiện Nghị quyết này.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Nông Khóa IV, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 12 năm 2022./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND Quốc hội: Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu-UBNDQH;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tư pháp, LĐ-TB&XH, Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL-Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh: UB MTTQ VN tỉnh và các tổ chức chính trị xã hội tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban Đảng của Tỉnh ủy: Trưởng Chính trị tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh; các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành và đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Đắk Nông, Đài PT&TH tỉnh;
- Công báo tỉnh, Công TTTT tỉnh;
- Trung tâm Lưu trữ-Sở Nội vụ;
- Lưu: VT, CTHD, HC-TC-QT, HSKH.

**CHỦ TỊCH**



**Lưu Văn Trung**